

Báo cáo thị trường tiền tệ

NHNN bơm ròng vào hệ thống ngân hàng

NHNN quay lại bơm thanh khoản

Trong tuần 50 (từ ngày 9 đến ngày 13 tháng 12), NHNN quay trở lại bơm thanh khoản vào hệ thống ngân hàng trong bối cảnh áp lực thanh khoản tăng mạnh vào đầu tuần. Cụ thể, NHNN đã phát hành 51.00 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua lại kỳ hạn trong khi 30.00 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến bơm ròng 21.00 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Ngoài ra, 16.95 nghìn tỷ đồng tín phiếu đã được phát hành mới trong khi 2.55 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn, dẫn đến mức hút ròng 14.40 nghìn tỷ đồng thông qua công cụ tín phiếu. Tổng cộng, NHNN đã bơm ròng 6.60 nghìn tỷ đồng thanh khoản vào hệ thống ngân hàng trong tuần này.

Lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ

Tuần này, lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ ở hầu hết các kỳ hạn. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 2 tuần và 3 tháng lần lượt giảm 5đcb, 15đcb, 20đcb và 20đcb, xuống còn 3.65%, 3.85%, 4.00% và 4.60%. Trong khi đó, lãi suất kỳ hạn 1 tháng tăng mạnh 40đcb, đạt mức 4.75%. Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày tăng nhẹ 4.17% so với tuần trước, lên mức 371.97 nghìn tỷ đồng.

USDVND tiếp tục tăng

Trong tuần, USDVND tiếp tục tăng tuần thứ hai liên tiếp, được dẫn dắt bởi sự phục hồi của DXY. Tỷ giá USDVND liên ngân hàng tăng nhẹ 0.07% tương đương 19 điểm phần trăm so với tuần trước, đạt mức 25,404 vào ngày thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, DXY phục hồi về mốc 107, tăng 0.89% vào ngày thứ Sáu. Đà tăng của USD trong tuần được thúc đẩy bởi các công bố thông tin trong tuần về thị trường lao động Mỹ. Cụ thể, số liệu về CPI phản ánh đúng kỳ vọng của thị trường, trong khi chỉ số PPI lại tăng vượt dự báo, cho thấy Fed khả năng cao sẽ hạ lãi suất trong cuộc họp FOMC sắp tới nhưng tốc độ hạ lãi suất sẽ chậm lại trong năm 2025. Đối với thị trường trong nước, tỷ giá cũng chịu áp lực khi khối ngoại tiếp tục vị thế bán ròng trong tuần này, với giá trị bán ròng đạt 1.14 nghìn tỷ đồng, tương đương 1.6% giá trị giao dịch trong tuần.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24	T11/24	Corr. ¹
FDI %n/n	9.4	9.5	5.3	13.2	7.6	-6.7	-0.16
Tổng mức bán lẻ %n/n	8.9	8.6	8.4	7.1	9.4	8.8	-0.18
Xuất khẩu %n/n	13.1	20.2	14.5	11.0	10.3	8.2	-0.16
Nhập khẩu %n/n	14.7	25.0	12.4	11.5	13.8	9.8	-0.07
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	3.2	2.4	4.5	2.3	2.0	1.1	-0.10
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.17	0.48		0.29	0.33	0.13	-0.07
Tín dụng %n/n	15.3	15.3	15.7	16.1	16.6	15.8	-0.23
USDVND %t/t	0.02	-0.81	-1.48	-1.24	2.91	0.16	-0.39
PMI(Điểm)	54.7	54.7	52.4	47.3	51.2	50.8	-0.25
VNINDEX %t/t	-1.2	0.7	2.6	0.8	-1.8	-1.1	1.00

Nguồn: SBV, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;
Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN quay lại bơm thanh khoản	1
II. Lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ	3
III. Lợi suất TPCP tăng trên tất cả các kỳ hạn	4
IV. USDVND tiếp tục tăng	6
Thống kê vĩ mô	8
Phụ lục	9

Research Dept.

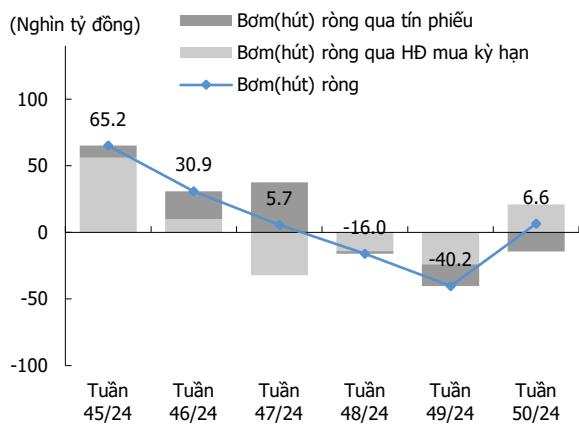
researchdept@kisvn.vn

I. NHNN quay lại bơm thanh khoản

NHNN bơm thanh khoản vào hệ thống ngân hàng

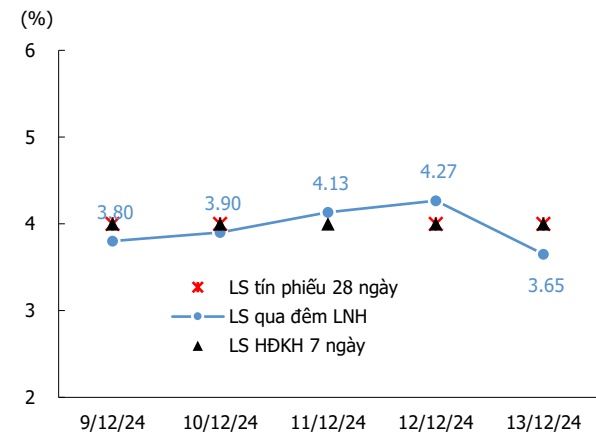
Trong tuần 50 (từ ngày 9 đến ngày 13 tháng 12), NHNN quay trở lại bơm thanh khoản vào hệ thống ngân hàng trong bối cảnh áp lực thanh khoản tăng mạnh vào đầu tuần. Cụ thể, NHNN đã phát hành 51.00 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua lại kỳ hạn trong khi 30.00 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến bơm ròng 21.00 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Ngoài ra, 16.95 nghìn tỷ đồng tín phiếu đã được phát hành mới trong khi 2.55 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn, dẫn đến mức hút ròng 14.40 nghìn tỷ đồng thông qua công cụ tín phiếu. Tổng cộng, NHNN đã bơm ròng 6.60 nghìn tỷ đồng thanh khoản vào hệ thống ngân hàng trong tuần này. Trong giai đoạn cuối năm, nhu cầu thanh khoản tăng cao do tiến độ giải ngân đầu tư công được đẩy nhanh và tăng trưởng tín dụng gia tăng. Do đó, NHNN đã linh hoạt sử dụng các công cụ thị trường mở để kiểm soát chặt chẽ diễn biến lãi suất trên thị trường liên ngân hàng, tránh tình trạng lãi suất VND giảm quá sâu, gây áp lực lên tỷ giá.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin chi tiết về phát hành HĐ mua kỳ hạn

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
9/12/24	16/12/24	7	5.00	4.00
10/12/24	17/12/24	7	5.00	4.00
11/12/24	18/12/24	7	20.00	4.00
12/12/24	19/12/24	7	20.00	4.00
13/12/24	20/12/24	7	1.00	4.00
Tổng		7	51.00	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin về phát hành tín phiếu kỳ hạn 14 ngày

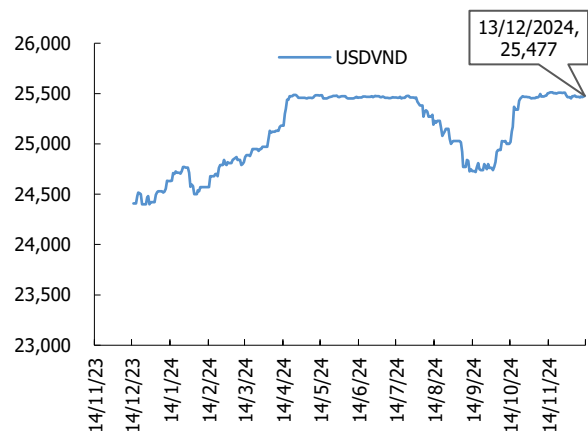
Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
9/12/24	23/12/24	14	6.50	4.00
10/12/24	24/12/24	14	1.65	4.00
11/12/24	25/12/24	14	1.50	4.00
13/12/24	27/12/24	14	7.10	4.00
Tổng		14	14.75	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

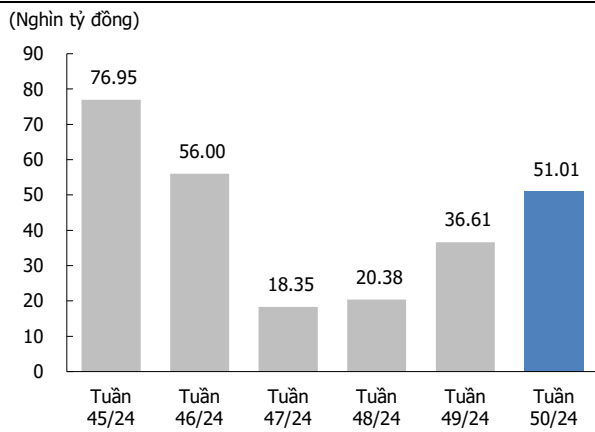
Hình 5. Thông tin chi tiết về phát hành HĐ mua kỳ hạn

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
9/12/24	6/1/24	28	1.00	4.00
10/12/24	7/1/25	28	0.80	4.00
12/12/24	9/1/25	28	0.20	4.00
13/12/24	10/1/25	28	0.20	3.99
Tổng		28	2.20	4.00

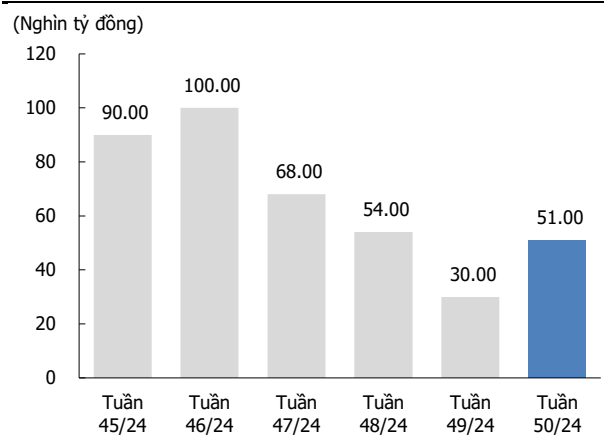
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Diễn biến USDVND

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 7. Tín phiếu đang lưu hành

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 8. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành

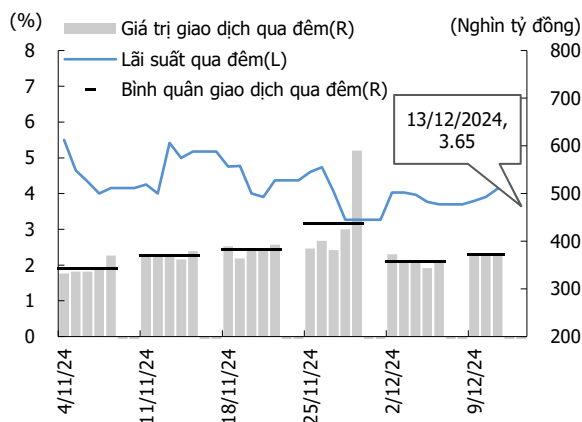
Nguồn: NHNN, KIS

II. Lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ

Đường cong lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ

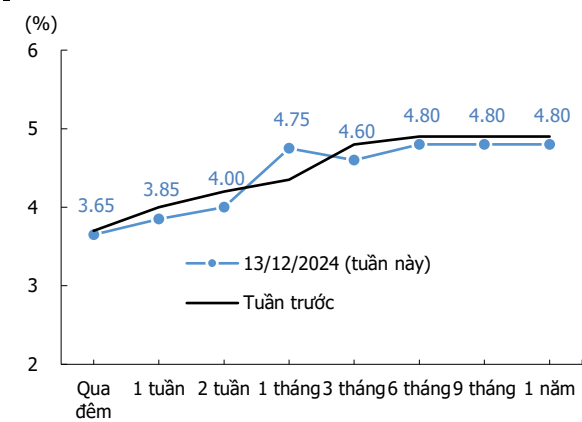
Trong tuần, lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ ở hầu hết các kỳ hạn. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 2 tuần và 3 tháng lần lượt giảm 5đcb, 15đcb, 20đcb và 20đcb, xuống còn 3.65%, 3.85%, 4.00% và 4.60%. Trong khi đó, lãi suất kỳ hạn 1 tháng tăng mạnh 40đcb, đạt mức 4.75%. Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày tăng nhẹ 4.17% so với tuần trước, lên mức 371.97 nghìn tỷ đồng. Lãi suất kỳ hạn 1 tháng tăng trong tuần chủ yếu do tăng trưởng tín dụng được đẩy mạnh vào cuối năm nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng 15%. Bên cạnh đó, nhờ việc NHNN linh hoạt sử dụng các công cụ thị trường mở, áp lực thanh khoản trong hệ thống ngân hàng đã hạ nhiệt về cuối tuần. Điều này được phản ánh qua việc lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh vào phiên cuối tuần, sau đã tăng mạnh vào đầu tuần.

Hình 9. Giao dịch liên ngân hàng



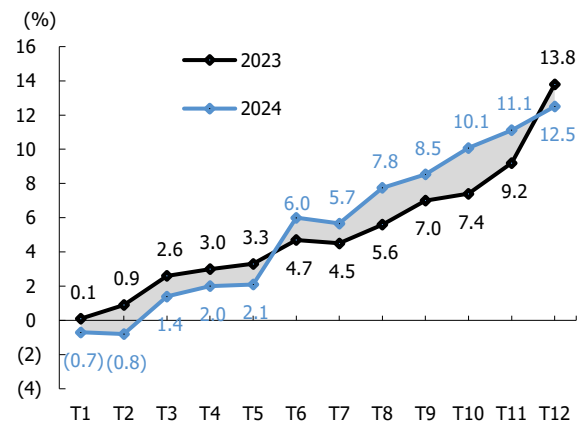
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 10. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



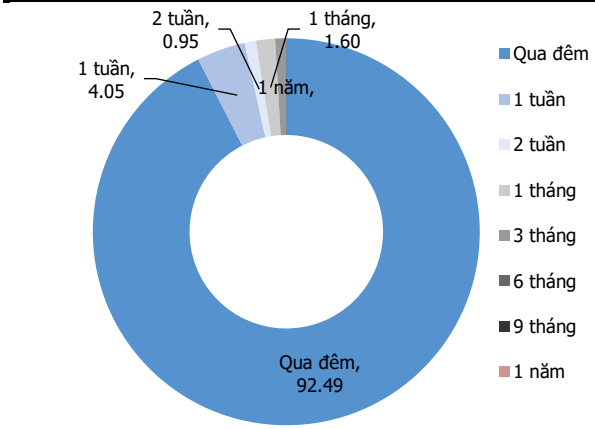
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 11. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN
Ghi chú: Cập nhật đến ngày 5 tháng năm 2024

Hình 12. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc

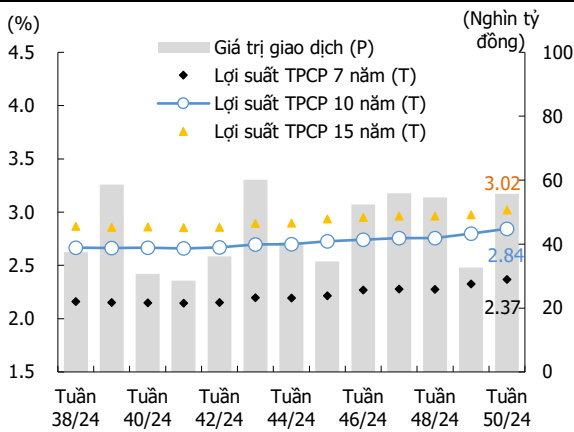


Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất TPCP tăng trên tất cả các kỳ hạn

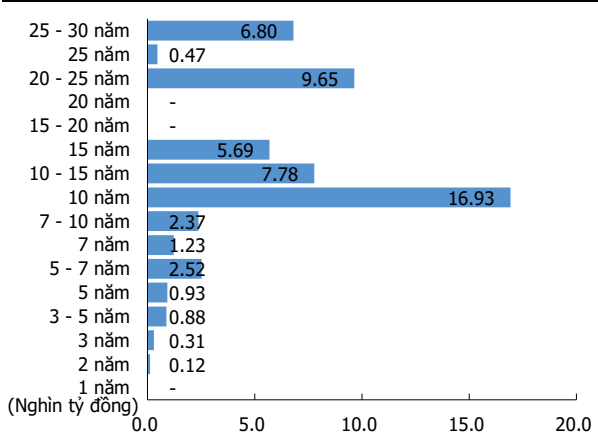
Trong tuần, lợi suất trái phiếu Chính phủ (TPCP) tăng ở tất cả các kỳ hạn, trong khi giá trị giao dịch tăng mạnh. Cụ thể, lợi suất các kỳ hạn được giao dịch nhiều nhất gồm 5 năm, 7 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm và 30 năm lần lượt tăng 14đcb, 4đcb, 5đcb, 4đcb, 8đcb và 1đcb, đạt mức 2.14%, 2.37%, 2.84%, 3.02%, 3.08% và 3.18%. Tổng giá trị giao dịch tăng đáng kể 70.6% so với tuần trước, lên 55.67 nghìn tỷ đồng, với giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày là 11.13 nghìn tỷ đồng. Nhìn chung, diễn biến này cho thấy niềm tin nhà đầu tư đã trở lại sau bốn tuần ảm đạm, trước các biến động thị trường trong giai đoạn cuối năm.

Hình 13: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



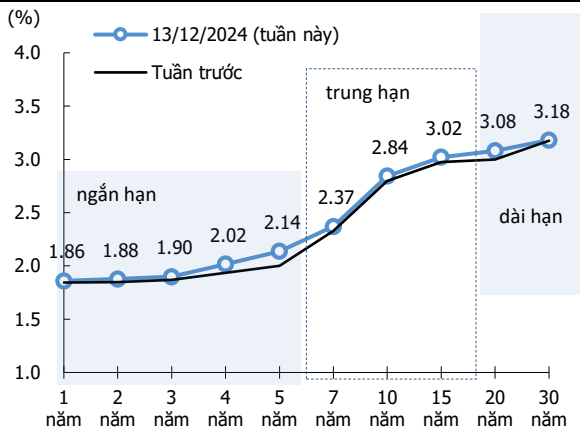
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 14: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



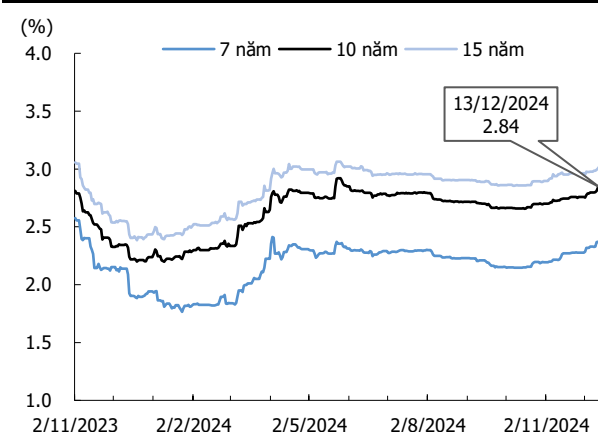
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 15: Đường cong lãi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

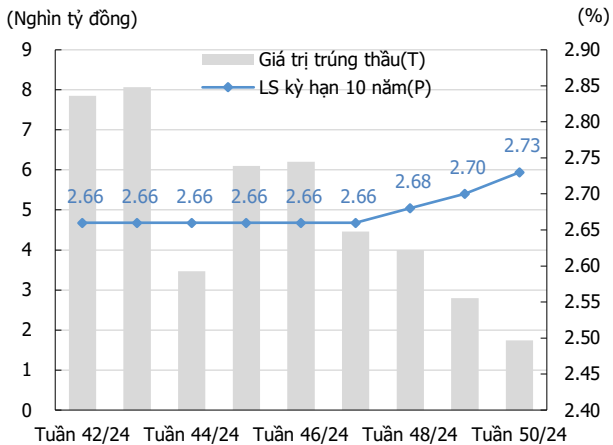
Hình 16: Lãi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

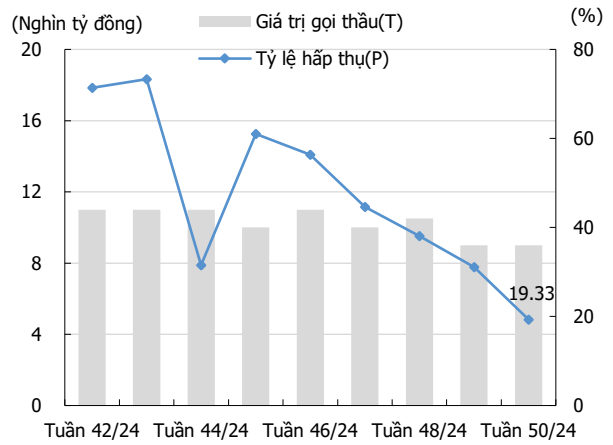
Trên thị trường sơ cấp, tuần 50 ghi nhận sự phục hồi sau bốn tuần, với lãi suất trúng thầu tăng nhẹ và giá trị trúng thầu phục hồi mạnh mẽ. Cụ thể, KBNN đã phát hành thành công 3.48 nghìn tỷ đồng trong tuần, với lãi suất trúng thầu tăng nhẹ 3đcb lên 2.73%. Tính đến nay, KBNN đã phát hành tổng cộng 329.79 nghìn tỷ đồng kể từ đầu năm, đạt 82.45% mục tiêu năm 2024. Tiến độ năm nay nhanh hơn đáng kể so với cùng kỳ năm trước, với tỷ lệ hoàn thành cao hơn 3.21% so với cùng kỳ.

Hình 17: Giá trị trúng thầu hàng tuần



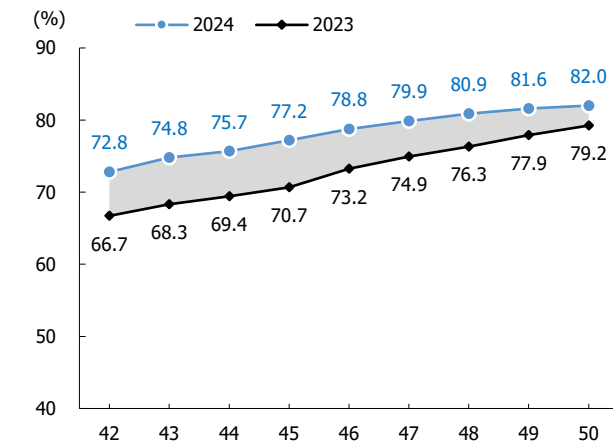
Nguồn: HNX, KIS

Hình 18: Hệ số hấp thụ hàng tuần



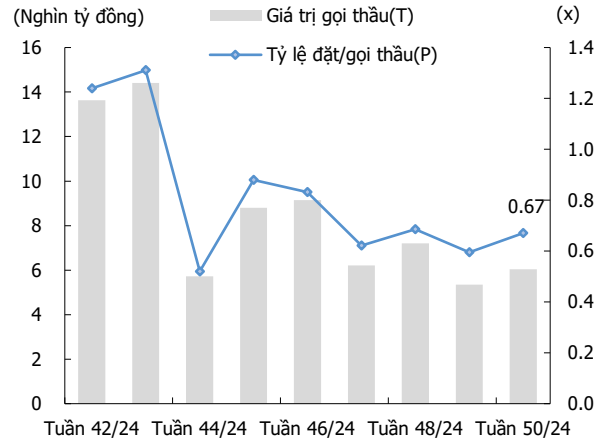
Nguồn: HNX, KIS

Hình 19: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm 2024



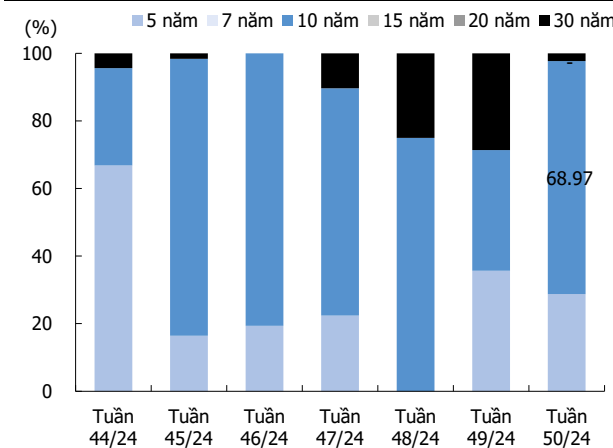
Nguồn: HNX, KIS

Hình 20: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



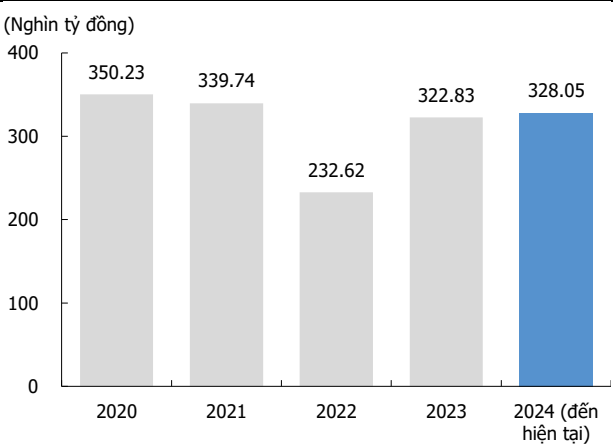
Nguồn: HNX, KIS

Hình 21: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 22: Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

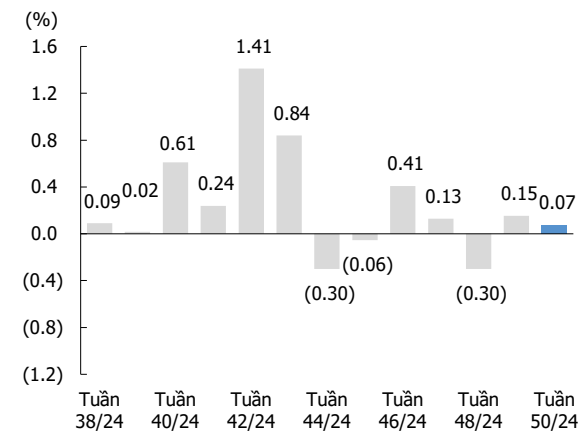
IV. USDVND tiếp tục tăng

USDVND tăng tuần thứ hai liên tiếp, được thúc đẩy bởi sự phục hồi của DXY

Trong tuần, USDVND tiếp tục tăng tuần thứ hai liên tiếp, được dẫn dắt bởi sự phục hồi của DXY. Tỷ giá USDVND liên ngân hàng tăng nhẹ 0.07% tương đương 19 điểm phần trăm so với tuần trước, đạt mức 25,404 vào ngày thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, DXY phục hồi về mốc 107, tăng 0.89% vào ngày thứ Sáu. Đà tăng của USD trong tuần được thúc đẩy bởi các công bố thông tin trong tuần từ thị trường lao động Mỹ. Cụ thể, số liệu về lạm phát CPI - thước đo chính của Fed trong các quyết định về lãi suất phản ánh đúng với kỳ vọng của thị trường, trong khi chỉ số giá sản xuất - PPI lại tăng vượt dự báo. Dữ liệu này cho thấy Fed khả năng cao sẽ hạ lãi suất trong cuộc họp FOMC sắp tới, tuy nhiên tốc độ và mức độ hạ lãi suất dự kiến sẽ giảm đáng kể trong năm 2025 khi nhiệm kỳ của ông Donald Trump bắt đầu, từ đó đẩy đồng USD hồi phục mạnh mẽ. Đối với thị trường trong nước, tỷ giá cũng chịu áp lực khi khối ngoại tiếp tục vị thế bán ròng trong tuần này, với giá trị bán ròng đạt 1.14 nghìn tỷ đồng, tương đương 1.6% giá trị giao dịch trong tuần.

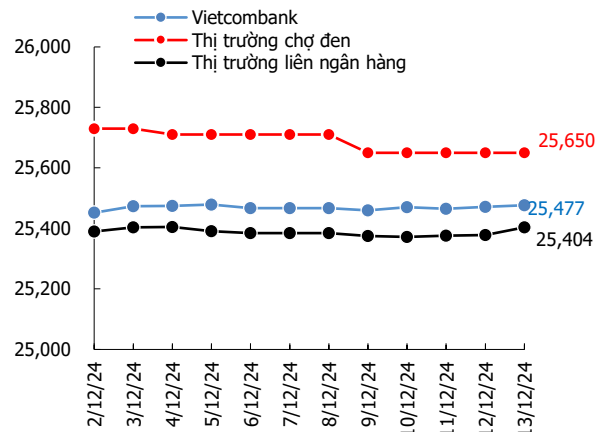
Trên thị trường ngoại hối, giá chào bán tại Vietcombank giảm 0.18% hay 46 điểm phần trăm, trong khi giá ở thị trường tự do tăng 0.16% hay 40 điểm phần trăm so với tuần trước. Vào ngày thứ Sáu, giá chào bán tại Vietcombank và thị trường tự do lần lượt ghi nhận ở mức 25,463 và 25,790 đồng cho một USD.

Hình 23: Diễn biến của USDVND theo tuần



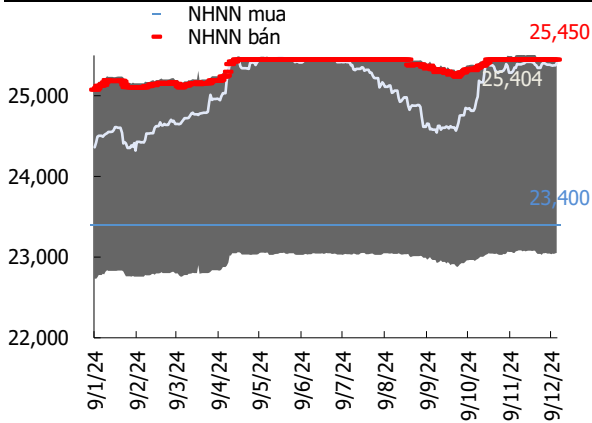
Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 24: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



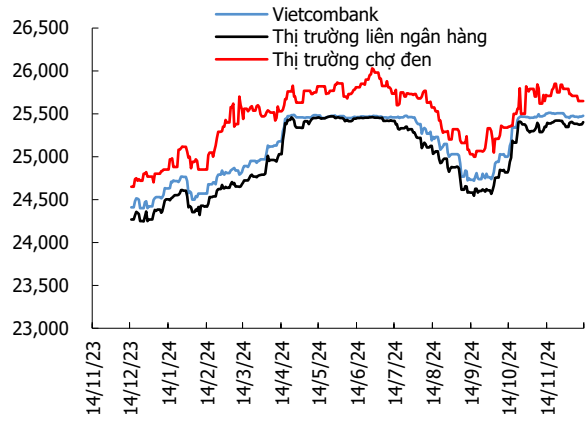
Nguồn: TCTT, KIS

Hình 25: Diễn biến giao dịch của NHNN



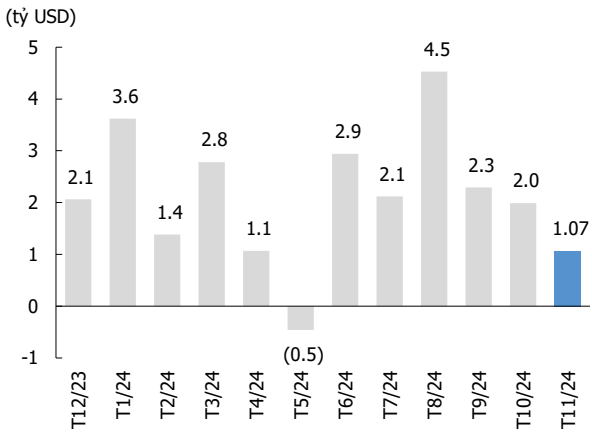
Nguồn: NHNN, Bloomberg, Fiipro, KIS

Hình 26: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



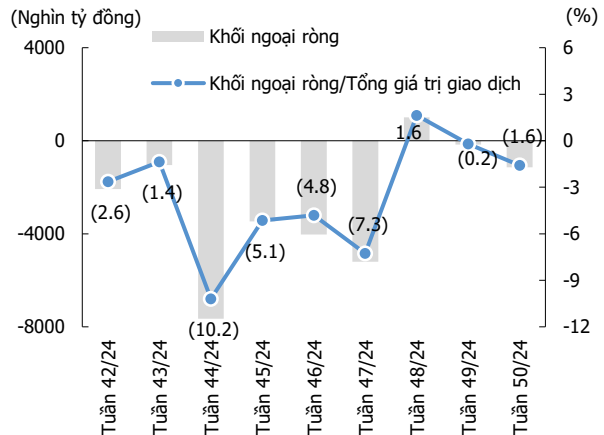
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS

Hình 27: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



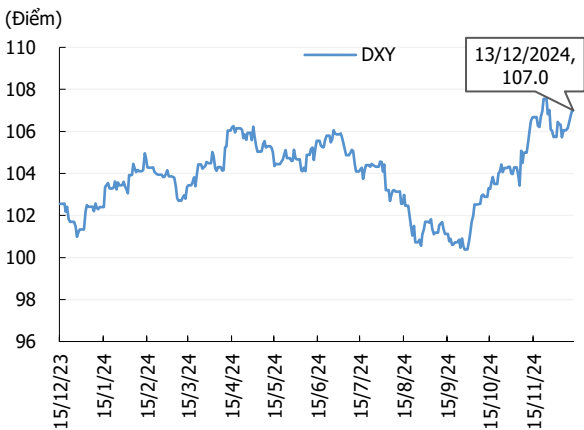
Nguồn: NHNN, Bloomberg
Ghi chú: Cập nhật đến 6 tháng 12, 2024

Hình 28: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiipro, KIS

Hình 29: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 30: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

Tỷ giá	Cơ chế	47W24	48W24	49W24	2024YTD
DXY	Chỉ số đồng Đô La Mỹ	0.81	-1.69	0.30	4.66
USDCNY	Tỷ giá thả nổi có quản lý	0.26	-0.02	0.34	2.42
EURUSD	Tỷ giá thả nổi	-1.16	1.53	-0.09	-4.27
USDJPY	Tỷ giá thả nổi	0.31	-3.24	0.15	6.35
USDKRW	Tỷ giá thả nổi	0.54	-0.63	1.88	10.50
USDSGD	Cơ chế trung gian (BBC)	0.35	-0.53	0.24	1.70
USDTHB	Tỷ giá thả nổi	-0.71	-0.79	-0.67	-0.20
USDVND	Tỷ giá thả nổi có quản lý	0.13	-0.30	0.15	4.61

Nguồn: NHNN, Bloomberg
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá tăng nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24	4Q23	1Q24	2Q24	3Q24	2020	2021	2022	2023
Tăng GDP thực (%)						6.72	5.66	6.93	7.40	2.91	2.58	8.02	5.05
FDI đăng ký (USD bn)	2.82	2.53	4.26	2.48	4.12	16.40	6.18	9.01	9.59	28.53	31.15	27.72	36.61
GDP bình quân (USD)										3,521	3,725	4,110	4,285
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.28	2.24	2.29	2.24	2.48	3.22	2.32	2.26
Xuất khẩu (tỷ USD)	35.92	37.59	34.05	35.59	33.73	96.53	93.06	98.2	108.6	282.7	335.7	371.85	355.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	33.80	33.06	31.76	33.60	32.67	90.17	84.98	94.0	99.7	263	331.1	360.65	327.5
Tăng trưởng XK (%)	19.11	14.54	10.70	10.09	8.16	8.80	16.98	13.59	15.82	7.02	18.74	10.61	-4.4
Tăng trưởng NK (%)	24.73	12.38	11.06	13.56	9.81	8.01	13.88	20.65	17.19	3.81	25.9	8.35	-8.9
Lạm phát (%)	4.36	3.45	2.63	2.68	2.77	3.54	3.77	4.39	3.48	3.24	1.84	3.15	3.25
USD/VND	25,320	24,860	24,093	25,282	25,346	24,260	24,786	25,458	24,093	23,126	22,790	23,650	23,784
Tăng trưởng tín dụng (%)	15.1	14.9	14.6	16.6	15.8	10.82	11.6	13.5	15.3	12.17	12.97	12.87	11.09
TPCP 10 năm (%)	2.79	2.83	2.66	2.70	2.76	2.23	2.59	2.81	2.66	2.01	2.11	5.08	2.39

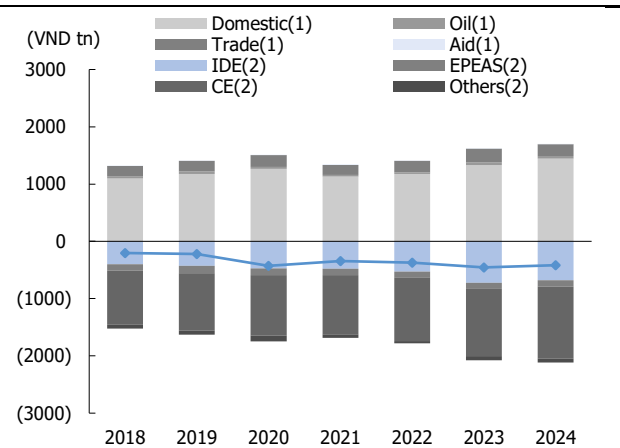
Nguồn: TCTK, Bloomberg, FIA, IMF

**Khái niệm

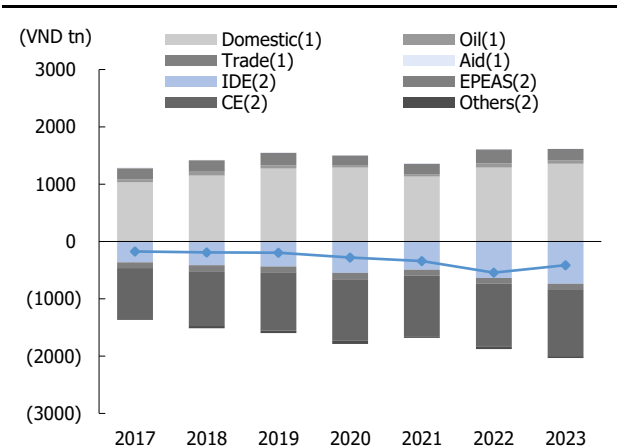
- * Tỷ giá lãi suất trúng thầu = tỷ giá đặt thầu cao nhất của mỗi nhóm, 2.73%
- * Hệ số hấp thụ = giá đặt thầu / giá gọi thầu, 19.33%
- * Tỷ lệ "bid to offer" = giá chào thầu / giá đặt thầu, 0.67%
- * DXY = Chỉ số giá USD Index, ~107.0
- * OMO = Nghiệp vụ thị trường mở
- * Kỳ hạn = Khoảng thời gian đến ngày thanh toán
- * ON =lãi suất liên ngân hàng qua đêm, ~3.65%

Phụ lục

Hình 1: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: dự kiến



Hình 2: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: thực tế



Nguồn: MoF, NHNN, KIS

Domestic= Doanh thu quốc nội; Oil= Doanh thu giao dịch dầu thô; Trade= Cán cân thu nhập từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu; Aid= Doanh thu từ viện trợ.

IDE=Chi đầu tư phát triển; EPEAS=Chi phí lãi vay và chi trả cho viện trợ; CE= Chi tiêu hiện tại

(1) ghi chú khoản mục thuộc về doanh thu

(2) ghi chú khoản mục thuộc về chi tiêu hoặc được ghi nhận dưới dạng số âm

Bảng 2: Cán cân thanh toán của Việt Nam (tỷ USD)

	2020	2021	2022	2023	1Q24	2Q24
Cán cân vãng lai	15.1	(4.6)	(1.1)	25.1	5.2	4.5
Hàng hóa: Xuất khẩu	282.6	335.9	371.3	354.7	92.9	97.9
Hàng hóa : Nhập khẩu	251.9	318.5	345.6	310.7	81.0	89.3
Hàng hóa ròng	30.7	17.5	25.7	44.0	11.9	8.5
Dịch vụ: Xuất khẩu	7.6	4.2	12.9	19.6	5.7	5.5
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.9	19.9	25.5	29.1	8.0	8.3
Thu nhập sơ cấp: Thu	1.4	1.0	2.3	4.6	1.4	1.4
Thu nhập sơ cấp: Chi	16.2	17.7	22.0	27.0	9.0	5.4
Thu nhập thứ cấp: Thu	11.4	13.6	12.2	16.1	4.3	3.8
Thu nhập thứ cấp: Chi	2.0	3.2	6.7	3.1	1.0	1.1
Cán cân tài chính	(8.5)	(30.9)	(9.5)	(2.8)	1.4	(6.3)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0.4	0.3	2.7	1.6	(0.1)	(0.1)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	15.8	15.7	17.9	18.5	3.6	5.0
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	(0.0)	(0.0)	0.0	0.0	0.0
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	(1.3)	0.3	1.5	(1.2)	(0.5)	(1.6)
Đầu tư khác, tài sản có	8.4	0.6	13.7	(14.3)	0.2	(5.2)
Đầu tư khác, tài sản nợ	2.8	15.9	6.4	(7.4)	(1.8)	(4.4)
Lỗi và sai sót	(6.9)	(10.4)	(31.1)	(16.6)	(8.0)	(4.3)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	16.6	15.9	(22.7)	(5.6)	1.4	6.1

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.